UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 243 /KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 30 tháng 10 năm 2024*

KẾ HOẠCH
Triển khai cung cấp sữa thực hiện "Chương trình Sức khoẻ học đường" cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2025, 2026

Thực hiện Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 28/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030; Quyết định số 226/QĐ-TTg ngày 22/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án "Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản giai đoạn 2018-2025"; Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 3000/QĐ-BGDĐT ngày 28/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc phê duyệt mô hình bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên Việt Nam; Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 16/3/2022 của Uỷ ban nhân dân (UBND) tỉnh về Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình Sức khoẻ học đường giai đoạn 2021 - 2025; Khuyến cáo của Viện Dinh dưỡng Quốc gia về định mức uống sữa tối thiểu (03lần/tuần; mỗi lần 180ml sữa tươi) đủ để tăng chỉ số phát triển của trẻ, UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai cung cấp sữa thực hiện *"Chương trình Sức khoẻ học đường"* cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2025, 2026 (gọi tắt là Kế hoạch), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 1660/QĐ-TTg, Kế hoạch số 163/KH-UBND nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng của trẻ em mầm non và học sinh tiểu học thông qua hoạt động cho trẻ em uống sữa góp phần phát triển nguồn nhân lực trong tương lai.

Phát huy tối đa trách nhiệm của các sở, ngành, UBND các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp liên quan trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Huy động mọi nguồn lực xã hội để triển khai Kế hoạch cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

Tổ chức triển khai Kế hoạch tại tất cả các huyện, thành phố theo nguyên tắc đề cao tính đồng thuận của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, sự chung tay của các doanh nghiệp và sự tự nguyện tham gia của phụ huynh học sinh đối với công tác cung cấp sữa.

Xác định cụ thể các nội dung, nhiệm vụ, phân công trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan liên quan trong việc triển khai Kế hoạch, chủ động và phối hợp chặt chẽ tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung của Kế hoạch bảo đảm đúng tiến độ, hiệu quả, chất lượng.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của trẻ em mầm non và học sinh tiểu học thông qua hoạt động cho trẻ em uống sữa nhằm giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng, nâng cao tầm vóc, thể lực của trẻ em tỉnh Lạng Sơn, góp phần phát triển nguồn nhân lực trong tương lai.

Nâng cao nhận thức của cộng đồng, cha mẹ, người chăm sóc về tầm quan trọng của dinh dưỡng đối với sự phát triển toàn diện về tầm vóc, thể lực và trí tuệ của trẻ, đặc biệt là bữa ăn học đường và việc bổ sung thêm sữa mỗi ngày là cần thiết và giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển chiều cao của trẻ.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2026

Đến năm 2026 phấn đấu đạt "*60% trường học có tổ chức bữa ăn học đường sử dụng sữa và các sản phẩm từ sữa trong bữa ăn học đường đạt chuẩn theo quy định"*.

90% cha, mẹ, người chăm sóc trẻ ở thành thị và 60% cha, mẹ, người chăm sóc trẻ ở nông thôn của những trẻ thuộc diện tham gia Kế hoạch được truyền thông, giáo dục và tư vấn về dinh dưỡng, cách chăm sóc sức khỏe trẻ em tại gia đình.

100% trẻ mầm non và học sinh tiểu học thuộc các huyện nghèo, vùng sâu vùng xa và vùng đặc biệt khó khăn được uống sữa theo Kế hoạch.

70% số trẻ mầm non và học sinh tiểu học ở vùng thành thị, nông thôn được uống sữa theo Kế hoạch.

100% giáo viên, nhân viên y tế trường học tham gia theo Kế hoạch được tập huấn về: kiến thức và kỹ năng thực hành chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em trong trường học, quản lý, tổ chức uống sữa, cách thức vận hành, ghi chép sổ sách, lưu mẫu sữa theo quy định về an toàn thực phẩm, không để xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm trong trường học.

100% các trường mầm non và tiểu học tại các địa bàn được triển khai tập huấn về an toàn thực phẩm và thực hiện tốt công tác quản lý và tổ chức cho trẻ

uống sữa tại trường; có cách thức vận hành, ghi chép sổ sách, lưu mẫu sữa theo quy định về an toàn thực phẩm.

Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em mầm non và học sinh tiểu học trung bình 0,6%/năm; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em mầm non và học sinh tiểu học trung bình 0,7%/năm tại các trường triển khai Kế hoạch.

III. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

1. Đối tượng thụ hưởng

Trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh được phụ huynh tự nguyện tham gia Kế hoạch.

2. Sản phẩm sử dụng

Sản phẩm sử dụng thực hiện kế hoạch bao gồm 01 loại sản phẩm: Sữa tươi tiệt trùng có đường.

3. Thời gian thụ hưởng

Trẻ được uống sữa trong 09 tháng của năm học: tổng cộng 36 tuần/năm học, trừ 03 tháng hè, cụ thể trong 02 năm 2025-2026:

- Năm học 2024-2025 thực hiện 05 tháng tương ứng 20 tuần từ tháng 01/2025 đến 5/2025).

- Năm học 2025-2026 thực hiện 09 tháng tương ứng 36 tuần từ tháng 9/2025 đến 5/2026).

- Năm học 2026-2027 thực hiện 05 tháng tương ứng 20 tuần từ tháng 9/2026 đến 12/2026).

4. Thời gian thực hiện

Từ học kỳ II năm học 2024-2025 đến hết học kỳ I năm học 2026-2027 (từ tháng 01 năm 2025 đến tháng 12 năm 2026).

5. Chính sách hỗ trợ

Kinh phí mua sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2025-2026 đối với các gia đình tự nguyện tham gia với định mức sử dụng sữa 01 hộp sữa tươi tiệt trùng có dung tích 110ml/ngày/trẻ mầm non, uống 05 lần/tuần, mỗi năm học không vượt quá 180 hộp/trẻ; 01 hộp sữa tươi tiệt trùng có dung tích 180ml/ngày/học sinh tiểu học, uống 03 lần/tuần, mỗi năm học không vượt quá 108 hộp/học sinh, tỷ lệ hỗ trợ cụ thể như sau:

- Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thuộc diện hộ nghèo, theo tiêu chí hiện hành, con thương binh, con liệt sĩ *(có giấy xác nhận của chính quyền địa phương)*, trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi được hỗ trợ 75% kinh phí mua sữa (*Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50%; Doanh nghiệp cung cấp sữa hỗ trợ 25% kinh phí mua sữa);* Phụ huynh đóng góp 25% kinh phí mua sữa.

- Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thuộc diện hộ cận nghèo theo tiêu chí hiện hành được hỗ trợ 50% kinh phí mua sữa *(Ngân sách nhà nước hỗ trợ là 25%; Doanh nghiệp cung cấp sữa hỗ trợ 25% kinh phí mua sữa);* Phụ huynh đóng góp 50% kinh phí mua sữa.

- Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh không thuộc các đối tượng nêu trên được hỗ trợ 25% kinh phí mua sữa *(Doanh nghiệp cung cấp sữa hỗ trợ);* Phụ huynh đóng góp 75% kinh phí mua sữa.

6. Lộ trình thực hiện

Từ học kỳ II năm học 2024-2025 đến hết học kỳ I năm học 2026-2027 *(từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2026)*, triển khai thực hiện tại 100% các trường mầm non, trường có học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh.

IV. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước

Tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương về tầm quan trọng trong việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em; phát huy tính chủ động, thực hiện đầy đủ chủ trương, chính sách về giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học trên địa bàn tỉnh.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện, kinh phí sử dụng phải hiệu quả và đúng mục đích, tránh thất thoát. Tổ chức đánh giá, rà soát kịp thời để điều chỉnh kế hoạch đạt kết quả cao.

Thực hiện các chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia theo quy định hiện hành để đảm bảo nguồn lực, sự bền vững của Kế hoạch. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực, các tổ chức chính trị - xã hội để thực hiện Kế hoạch.

2. Thông tin truyền thông, giáo dục dinh dưỡng

Đẩy mạnh công tác truyền thông, thông tin, tuyên truyền, vận động nâng cao kiến thức về tầm quan trọng trong công tác dinh dưỡng đối với sự phát triển toàn diện của trẻ.

Triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền về chủ trương, ý nghĩa, mục đích của Kế hoạch dưới nhiều hình thức, nội dung phong phú và đa dạng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo Lạng Sơn, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và hệ thống thông tin cơ sở; tổ chức các sự kiện truyền thông như: tổ chức tuần lễ dinh dưỡng, các buổi nói chuyện chuyên đề, tư vấn dinh dưỡng, pano, áp phích, khẩu hiệu, băng rôn, triển lãm đồ dùng dạy học từ vỏ hộp sữa,... phù hợp với các nhóm đối tượng và từng địa bàn; huy động sự ủng hộ quyên góp từ các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm cho quá trình thực hiện Kế hoạch.

Chính quyền địa phương tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, quyền lợi và nghĩa vụ của phụ huynh và học sinh khi tham gia Kế hoạch. Các trường học lồng ghép tuyên truyền trong các cuộc họp phụ huynh đầu năm, giữa năm. Thông qua cuộc họp, vận động phụ huynh tự nguyện đăng ký và cam kết tham gia Kế hoạch.

Kết hợp truyền thông giáo dục dinh dưỡng với giáo dục thể chất, tăng cường vận động cho trẻ trong hệ thống trường mầm non, tiểu học.

3. Giải pháp kỹ thuật

Đào tạo, tập huấn kiến thức, kỹ thuật, kỹ năng theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng, sức khỏe của trẻ cho đội ngũ nhân viên y tế trường học, giáo viên tham gia thực hiện Kế hoạch trong quá trình uống sữa, kịp thời phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình cho trẻ uống sữa.

Theo dõi, giám sát việc triển khai, đánh giá hiệu quả của Kế hoạch. Tổ chức thu thập số liệu trước khi tổ chức triển khai Kế hoạch tại các địa phương, các đơn vị trường học. Trang bị đầy đủ trang thiết bị cần thiết cho kho bảo quản sản phẩm của các nhà trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.

Xây dựng và hướng dẫn các quy trình: giao nhận sữa; giám sát quy trình giao nhận; bảo quản sản phẩm đúng chủng loại và chất lượng; thu gom xử lý rác thải tại các nhà trường. Kiểm tra, giám sát các quy trình giao nhận sữa, cách bảo quản, phân phối và tổ chức thực hiện việc cho uống sữa tại trường. Kiểm tra, giám sát thực hiện quy trình đấu thầu đơn vị cung cấp sữa tham gia Kế hoạch đảm bảo công khai và đúng quy định.

Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện, đề ra phương hướng hoạt động cụ thể phù hợp cho năm tiếp theo; tổng kết theo lộ trình thực hiện.

4. Tổ chức lựa chọn nhà cung cấp sữa

4.1. Phương thức lựa chọn nhà thầu

Đấu thầu, lựa chọn doanh nghiệp cung cấp sữa thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

4.2. Tiêu chí lựa chọn nhà thầu

Sản phẩm sữa trong Kế hoạch triển khai cung cấp sữa phải bảo đảm các điều kiện theo quy định tại: Quy chuẩn QCVN5-1:2010/BYT ban hành ngày 02/6/2010 của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng.

Là đơn vị trực tiếp sản xuất sữa đạt tiêu chuẩn ISO 9001. FSSC 22000.

Giá sản phẩm cung cấp cho Kế hoạch phải thấp hơn giá sản phẩm tương đồng bán trên thị trường.

Cam kết cung ứng sữa theo đúng lộ trình kế hoạch thực hiện của tỉnh; giá 01 hộp sữa không tăng trong suốt thời gian thực hiện Kế hoạch này, nếu giá 01 hộp sữa trên thị trường giảm thì đơn vị cung cấp sữa giảm giá cho phù hợp với thực tế.

Hỗ trợ tối thiểu 25% giá sữa (giá trúng thầu) cho trẻ trong suốt thời gian thực hiện Kế hoạch này.

Bảo đảm toàn bộ kinh phí, trang thiết bị cần thiết cho kho bảo quản sản phẩm tại các nhà trường đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định; bố trí vận chuyển sữa đến điểm bảo quản của các trường mầm non, tiểu học trên địa bàn tỉnh an toàn; phối hợp tổ chức tập huấn cho cán bộ, nhân viên liên quan đủ năng lực triển khai thực hiện và theo dõi, đánh giá sức khỏe, thể lực học sinh trong quá trình thực hiện Kế hoạch; cung cấp tài liệu, vật liệu truyền thông cho công tác truyền thông vận động tại các trường; triển khai tập huấn về: kiến thức và kỹ năng thực hành chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em trong trường học, quản lý, tổ chức uống sữa, cách thức vận hành, ghi chép sổ sách, lưu mẫu sữa theo quy định về an toàn thực phẩm, không để xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm trong trường học.

Phối hợp với cơ sở giáo dục và các cơ quan liên quan giải quyết ngay các vấn đề phát sinh trong quá trình cho trẻ uống sữa. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xảy ra vấn đề liên quan đến sức khỏe học sinh được kết luận do uống sữa của đơn vị cung cấp không đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm.

4.3. Hình thức hợp đồng

a) Hợp đồng phải được thực hiện trong suốt quá trình triển khai từ học kỳ II năm học 2024-2025 đến hết học kỳ I năm học 2026-2027.

b) Loại hợp đồng là Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh *(Đơn giá 01 hộp sữa không tăng trong suốt thời gian thực hiện Kế hoạch, trường hợp đơn giá sữa trên thị trường giảm thì đơn vị cung cấp sữa phải giảm giá cho phù hợp với thực tế).*

4.4. Cung ứng sữa

Đơn vị trúng thầu chịu trách nhiệm cung ứng sữa kịp thời, không bị gián đoạn hoặc dồn dập; đồng thời bố trí nhân viên vận chuyển sữa đến kho của các trường an toàn.

V. KINH PHÍ

1. Kinh phí mua sữa cho trẻ

a) Tổng kinh phí mua sữa

Dự kiến kinh phí thực hiện Kế hoạch từ kỳ II năm học 2024-2025 đến hết kỳ I năm học 2026-2027 là: **171.867.521.406 đồng** *(Bằng chữ: Một trăm bảy mươi mốt tỷ, tám trăm sáu mươi bảy triệu, năm trăm hai mươi mốt nghìn, bốn trăm linh sáu đồng)*, trong đó:

Đơn vị tính: đồng

Năm	Tổng kinh phí mua sữa	Nguồn kinh phí		
		Địa phương	Doanh nghiệp cung cấp sữa	Phụ huynh
Kỳ II năm học 2024-2025	44.560.132.980	5.994.614.010	11.140.033.245	27.425.485.725

Năm học 2025-2026	80.101.495.188	10.790.305.218	20.025.373.797	49.285.816.173
Kỳ I Năm học 2026-2027	47.205.893.328	3.226.625.556	11.801.473.332	32.177.794.440
Tổng cộng	**171.867.521.496**	**20.011.544.784**	**42.966.880.374**	**108.889.096.338**

(Chi tiết theo biểu đính kèm).

Đơn giá tạm tính: 01 hộp sữa 180ml là 8.349 đồng/hộp, 01 hộp sữa 110ml 5.280 đồng/hộp *(có thuế giá trị gia tăng 10%),* không tăng trong suốt thời gian thực hiện Kế hoạch. Giá thực tế của sản phẩm thực hiện Kế hoạch theo giá trúng thầu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Phân nguồn kinh phí theo chính sách hỗ trợ

- Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thuộc diện hộ nghèo, theo tiêu chí hiện hành, con thương binh, con liệt sĩ *(có giấy xác nhận của chính quyền địa phương)*, trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi được hỗ trợ 75% kinh phí mua sữa (*Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50%; Doanh nghiệp cung cấp sữa hỗ trợ 25% kinh phí mua sữa);* Phụ huynh đóng góp 25% kinh phí mua sữa.

- Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thuộc diện hộ cận nghèo theo tiêu chí hiện hành được hỗ trợ 50% kinh phí mua sữa *(Ngân sách nhà nước hỗ trợ là 25%; Doanh nghiệp cung cấp sữa hỗ trợ 25% kinh phí mua sữa);* Phụ huynh đóng góp 50% kinh phí mua sữa.

- Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh không thuộc các đối tượng nêu trên được hỗ trợ 25% kinh phí mua sữa *(Doanh nghiệp cung cấp sữa hỗ trợ);* Phụ huynh đóng góp 75% kinh phí mua sữa. Cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

Đối tượng	**Kinh phí**	**Nguồn kinh phí**		
		Ngân sách địa phương	**Doanh nghiệp hỗ trợ**	**Phụ huynh đóng góp**
Kỳ II năm học 2024-2025				

Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thuộc diện hộ nghèo, theo tiêu chí hiện hành, con thương binh, con liệt sĩ *(có giấy xác nhận của chính quyền địa phương)*, trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi	8,706,277,800	4,353,138,900	2,176,569,450	2,176,569,450
Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thuộc diện hộ cận nghèo theo tiêu chí hiện hành	6,565,900,440	1,641,475,110	1,641,475,110	3,282,950,220
Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh không thuộc các đối tượng nêu trên	29,287,954,740	0	7,321,988,685	21,965,966,055
Tổng số	**44,560,132,980**	**5,994,614,010**	**11,140,033,245**	**27,425,485,725**
Năm học 2025-206				
Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thuộc diện hộ nghèo, theo tiêu chí hiện hành, con thương binh, con liệt sĩ *(có giấy xác nhận của chính quyền địa phương)*, trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi	15,671,300,040	7,835,650,020	3,917,825,010	3,917,825,010
Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thuộc diện hộ cận nghèo theo tiêu chí hiện hành	11,818,620,792	2,954,655,198	2,954,655,198	5,909,310,396

Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh không thuộc các đối tượng nêu trên	52,611,574,356	0	13,152,893,589	39,458,680,767
Tổng số	**80,101,495,188**	**10,790,305,218**	**20,025,373,797**	**49,285,816,173**
Kỳ I Năm học 2026-2027				
Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thuộc diện hộ nghèo, theo tiêu chí hiện hành, con thương binh, con liệt sĩ *(có giấy xác nhận của chính quyền địa phương)*, trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi	4,335,333,552	2,167,666,776	1,083,833,388	1,083,833,388
Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thuộc diện hộ cận nghèo theo tiêu chí hiện hành	4,235,835,120	1,058,958,780	1,058,958,780	2,117,917,560
Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh không thuộc các đối tượng nêu trên	38,634,724,656	0	9,658,681,164	28,976,043,492
Tổng số	**47,205,893,328**	**3,226,625,556**	**11,801,473,332**	**32,177,794,440**

c) Cơ cấu bố trí nguồn kinh phí của địa phương

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Trong đó:

- Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 20% trong tổng nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ mua sữa cho trẻ giai đoạn 2025-2026 và 100% kinh phí chi cho các hoạt động kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện *(Chi tiết theo từng năm học tại phụ lục đính kèm)*.

- Ngân sách cấp huyện, thành phố tự cân đối hỗ trợ đảm bảo 80% trong tổng nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ mua sữa cho trẻ giai đoạn 2025-2026.

2. Kinh phí cho các hoạt động triển khai thực hiện Kế hoạch

a) Ngân sách của tỉnh

Đảm bảo cho các nội dung quản lý, vận hành triển khai Kế hoạch như: Công tác kiểm tra, giám sát đánh giá hiệu quả Kế hoạch đã ban hành.

Tổng kinh phí dự kiến cho các hoạt động để triển khai Kế hoạch là: **64.020.000** đồng *(Chi tiết theo từng năm học tại phụ lục đính kèm)*.

b) Đơn vị cung cấp sữa

Đảm bảo kinh phí cho các hoạt động:

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết cho kho bảo quản sản phẩm tại các trường đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.

- Vận chuyển sữa đến điểm bảo quản của các trường triển khai Kế hoạch.

- Phối hợp tổ chức tập huấn cho cán bộ, nhân viên liên quan đủ năng lực triển khai thực hiện và theo dõi, đánh giá sức khỏe, thể lực học sinh trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp tổ chức tập huấn cho các đơn vị thực hiện Kế hoạch kiến thức và kỹ năng thực hành chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em trong trường học, quản lý, tổ chức uống sữa, cách thức vận hành, ghi chép sổ sách, lưu mẫu sữa theo quy định về an toàn thực phẩm, không để xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm trong trường học.

- Cung cấp tài liệu, vật liệu truyền thông cho công tác truyền thông vận động tại các trường.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh tổ chức lựa chọn sản phẩm sữa đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của Bộ Y tế; phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu thực hiện triển khai có hiệu quả Kế hoạch.

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Chủ trì, phối hợp các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế và các đơn vị liên quan tổ chức đấu thầu, lựa chọn doanh nghiệp cung cấp sữa thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

Phối hợp với Sở Y tế, nhà thầu cung cấp sữa tổ chức tập huấn và chỉ đạo đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục tiểu học trên địa bàn tỉnh thực hiện hồ sơ sổ sách, phiếu theo dõi uống sữa, việc nhận, lưu trữ và bảo quản sữa, đánh giá kết quả phát triển của trẻ (học sinh); kiểm tra, giám sát các trường triển khai Kế hoạch trong việc tiếp

nhận, bảo quản và thực hành cho trẻ uống sữa; rà soát, tổng hợp chính xác các đối tượng được thụ hưởng trong năm học và dự báo cho năm học tiếp theo.

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, các cơ quan và đơn vị liên quan cung cấp sữa xây dựng quy trình quản lý, sử dụng sản phẩm, xử lý rác thải và chỉ đạo tổ chức hướng dẫn cho các nhà trường thực hiện.

Chủ trì phối hợp các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học triển khai thực hiện các hoạt động của Kế hoạch, như:

- Rà soát, thống kê, quản lý số lượng trẻ thuộc các đối tượng được hưởng lợi từ Kế hoạch đảm bảo công bằng, chính xác;

- Tổ chức tuyên truyền vận động trực tiếp tại trường học, tại các cuộc họp cha mẹ học sinh về Kế hoạch và vai trò của sữa đối với tầm vóc, thể trạng, trí tuệ của trẻ;

- Thu kinh phí phần đóng góp từ cha mẹ học sinh;

- Tiếp nhận, bảo quản và cho học sinh uống sữa theo Kế hoạch.

- Tiếp nhận, quản lý việc thực hiện thu, chi kinh phí mua sữa và thực hành cho trẻ uống sữa theo Kế hoạch.

- Lồng ghép việc thực hiện Kế hoạch vào các môn học và các hoạt động ngoại khóa và Mô hình bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh và đơn vị cung cấp sữa tổ chức triển khai thực hiện truyền thông giáo dục dinh dưỡng, lợi ích của việc triển khai Kế hoạch.

- Thống kê, báo cáo kết quả triển khai; tổ chức giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện Kế hoạch, tổng hợp và gửi báo cáo về UBND tỉnh kết quả được giao thực hiện Kế hoạch vào cuối tháng 6 hàng năm trong giai đoạn thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Y tế

Giám sát việc cung ứng sữa đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng và an toàn thực phẩm. Hướng dẫn xây dựng quy trình giám sát, giải quyết ngộ độc thực phẩm và triển khai điều tra, giám sát, xử lý khi xảy ra ngộ độc thực phẩm trong quá trình triển khai thực hiện.

Chủ trì thực hiện kiểm tra, kiểm nghiệm các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm sữa định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu, khi phát hiện sản phẩm không đạt yêu cầu thì kiến nghị UBND tỉnh thay đổi nhà cung cấp sữa.

Chịu trách nhiệm giám sát, phối hợp đánh giá hiệu quả Kế hoạch; giám sát từ khâu tiếp nhận và thực hành cho học sinh uống sữa nhằm đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai tập huấn, nâng cao năng lực hoạt động cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế trường học tham gia Kế hoạch. Chỉ đạo các đơn vị trong ngành phối hợp với các đơn vị cùng cấp thuộc ngành Giáo dục để triển khai Kế hoạch đạt hiệu quả và đúng tiến độ. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện quy trình giao nhận sữa, cách bảo quản, phân phối và tổ chức thực hiện việc cho trẻ uống sữa tại trường nhằm quản lý và sử dụng đúng mục đích; theo dõi và đánh giá hiệu quả thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Cung cấp số liệu trẻ em thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo và diện chính sách trên địa bàn tỉnh để thực hiện các hoạt động liên quan thuộc phạm vi Kế hoạch.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế để triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn toàn tỉnh, đảm bảo 100% trẻ em thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng các quyền lợi của Kế hoạch này.

4. Sở Tài chính

Tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách để triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định. Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước hiện hành.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính trong việc tham mưu cho UBND tỉnh cân đối nguồn vốn hỗ trợ kinh phí cho Kế hoạch.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tấn báo chí, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về Kế hoạch.

7. Báo Lạng Sơn, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Thực hiện các nội dung liên quan đến chức năng nhiệm vụ của ngành; phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường đăng các tin bài, chuyên mục, chuyên trang, phóng sự truyền thông về ý nghĩa, vai trò lợi ích và tầm quan trọng của Kế hoạch đối với việc phát triển tầm vóc, thể lực và trí tuệ của trẻ em; các hoạt động truyền thông về phòng chống suy dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm và các hoạt động trong Kế hoạch nhằm tuyên truyền, vận động phụ huynh học sinh và Nhân dân tham gia, ủng hộ Kế hoạch.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng các chương trình thể dục thể thao trong nhà trường cho học sinh trên địa bàn tỉnh, đảm bảo mục tiêu tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể tỉnh

Phổ biến, quán triệt đầy đủ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Kế hoạch đến các cấp, các ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở, chủ động tham gia thực hiện Kế hoạch.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và người dân, nhất là cha, mẹ học sinh nhằm nâng cao nhận thức về chăm sóc dinh dưỡng trẻ em và tự nguyện tham gia Kế hoạch.

Phối hợp với các sở, ban, ngành giám sát các cơ sở giáo dục triển khai Kế hoạch trong việc tiếp nhận, bảo quản và thực hành cho trẻ uống sữa theo quy định; theo dõi và đánh giá hiệu quả thực hiện Kế hoạch.

Vận động các cá nhân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội tham gia ủng hộ Kế hoạch trên địa bàn tỉnh.

10. UBND các huyện, thành phố

Chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai các nội dung của Kế hoạch trên địa bàn. Phối hợp với các sở, ngành để triển khai thực hiện Kế hoạch có hiệu quả.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường mầm non, trường tiểu học, trường liên cấp có cấp học mầm non và tiểu học triển khai thực hiện Kế hoạch, như:

- Rà soát, thống kê, quản lý số lượng trẻ (học sinh) thuộc các đối tượng được hưởng lợi từ Kế hoạch đảm bảo công bằng, chính xác. Cung cấp số liệu kịp thời, đầy đủ phục vụ xây dựng triển khai thực hiện Kế hoạch;

- Tổ chức tuyên truyền để cha mẹ học sinh hiểu và tự nguyện tham gia Kế hoạch; tổ chức cho học sinh uống sữa theo quy định Kế hoạch đề ra;

- Bố trí kho để sữa đảm bảo các quy định về an toàn thực phẩm và thực hiện quản lý, sử dụng sản phẩm, xử lý rác thải,… theo Kế hoạch và đúng quy trình được hướng dẫn. Phối hợp đơn vị cung cấp sữa đảm bảo cơ sở vật chất và vệ sinh môi trường khi Kế hoạch được triển khai thực hiện;

- Mời Ban Đại diện cha mẹ học sinh tham gia giám sát sản phẩm sữa của đơn vị cung cấp và thực hiện uống sữa của con em tại trường;

- Phối hợp các cơ sở y tế trên địa bàn và đơn vị có liên quan trong việc đánh giá sự phát triển thể lực của trẻ theo từng giai đoạn.

Chủ động huy động các nguồn lực hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong và ngoài tỉnh để thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này. Định kỳ kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch trên địa bàn; báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

11. Đơn vị cung cấp sữa

Đảm bảo các tiêu chí lựa chọn và các điều kiện để triển khai hiệu quả Kế hoạch theo đúng quy định; cung ứng sữa kịp thời, không gián đoạn, đồng thời phải bố trí nhân viên vận chuyển sữa đến tận kho sữa của các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục tiểu học trên địa bàn tỉnh. Trang bị đầy đủ trang thiết bị cần thiết cho kho bảo quản sản phẩm của trường đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.

Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền kiểm nghiệm các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm định kỳ và đột xuất theo đúng quy định của pháp luật làm căn cứ thực tế gửi Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện Kế hoạch triển khai cung cấp sữa của tỉnh. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan thực hiện tuyên truyền về Kế hoạch. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế và các cơ quan liên quan xây dựng quy trình quản lý, sử dụng sản phẩm khi thực hiện Kế hoạch và tổ chức hướng dẫn cho các nhà trường thực hiện; tổ chức tập huấn cho các đơn vị thực hiện kế hoạch về công tác an toàn thực phẩm trong trường học và chế độ dinh dưỡng hợp lý trong bữa ăn theo từng độ tuổi. Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan giải quyết ngay các vấn đề phát sinh trong quá trình cho trẻ uống sữa. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xảy ra vấn đề liên quan đến sức khỏe học sinh được kết luận do uống sữa của đơn vị cung cấp không đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm.

Phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch.

UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- C, PCVP UBND tỉnh, các Phòng CM, TTTT;
- Lưu: VT, KG-VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Dương Xuân Huyên